

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:41/2016/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về việc phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi và công trình đê, kè trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04 tháng 4 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 72/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về quản lý an toàn đập;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 48/2009/TTLT-BTC-BNN ngày 12 tháng 3 năm 2009 của Liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế duy tu, bảo dưỡng đê điều;

Căn cứ Thông tư số 26/2009/TT-BNN ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, nguồn kinh phí và chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý đê nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 65/2009/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn tổ chức hoạt động và phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2133/TTr-SNN ngày 26 tháng 10 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi và công trình đê, kè trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, các tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan theo dõi, kiểm tra việc thực hiện; hàng năm tổng hợp báo cáo UBND thành phố kết quả thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2016.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch UBND các quận, huyện; Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Đà Nẵng, Giám đốc Công ty Thoát nước và Xử lý nước thải Đà Nẵng; Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi thành phố Đà Nẵng và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Huỳnh Đức Thơ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về việc phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi và công trình đê, kè trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2016 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này hướng dẫn phân cấp quản lý, khai thác, bảo vệ đối với các công trình, hệ thống công trình thủy lợi và đê, kè trên địa bàn thành phố Đà Nẵng được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước đã được đưa vào khai thác, sử dụng.

Đối với các công trình thủy lợi và đê, kè được xây dựng mới và đưa vào sử dụng sau khi Quy định này có hiệu lực, việc phân cấp quản lý, khai thác, bảo vệ được áp dụng theo các nội dung của Quy định này.

Đối với các công trình, hệ thống công trình thủy lợi và đê, kè trên địa bàn thành phố nhưng không thuộc thành phố quản lý hoặc được đầu tư bằng các nguồn vốn khác, việc tổ chức quản lý, khai thác do chủ sở hữu (hoặc đại diện chủ sở hữu) quyết định trên cơ sở hướng dẫn của Quy định này và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phân cấp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi và đê, kè trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công trình thủy lợi là công trình thuộc kết cấu hạ tầng nhằm khai thác mặt lợi của nước; phòng, chống tác hại do nước gây ra, bảo vệ môi trường và cân bằng sinh thái, bao gồm: hồ chứa nước, đập, cống, trạm bơm, đường ống dẫn nước, kênh, công trình trên kênh.

2. Hệ thống công trình thủy lợi là tập hợp các công trình thủy lợi có liên quan trực tiếp với nhau trong quản lý, vận hành và bảo vệ trong một lưu vực hoặc một khu vực nhất định.

a) Hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh là hệ thống công trình thủy lợi có liên quan với nhau trong quản lý, vận hành và bảo vệ hoặc phục vụ tưới, tiêu, cấp nước cho khu vực thuộc 2 tỉnh hoặc đơn vị hành chính tương đương trở lên;

b) Hệ thống công trình thủy lợi liên huyện là hệ thống công trình thủy lợi có liên quan hoặc phục vụ tưới, tiêu, cấp nước cho tổ chức, cá nhân hưởng lợi thuộc 2 huyện hoặc đơn vị hành chính tương đương trở lên;

c) Hệ thống công trình thủy lợi liên xã là hệ thống công trình thủy lợi có liên quan hoặc phục vụ tưới, tiêu, cấp nước cho tổ chức, cá nhân hưởng lợi thuộc 2 xã hoặc đơn vị hành chính tương đương trở lên.

3. Công đầu kênh là công trình dẫn nước hoặc tiêu nước cho một diện tích hưởng lợi nhất định thuộc trách nhiệm quản lý của người hưởng lợi. Chi phí quản lý, vận hành, tu sửa và bảo vệ các công trình từ công đầu kênh đến mặt ruộng do người hưởng lợi đóng góp (gọi tắt là phí dịch vụ thủy nông nội đồng).

4. Tổ chức hợp tác dùng nước là hình thức hợp tác của những người cùng hưởng lợi từ công trình thủy lợi, được tổ chức theo các loại hình: tổ hợp tác, hợp tác xã, hội, hiệp hội; làm nhiệm vụ khai thác và bảo vệ công trình, phục vụ sản xuất, dân sinh trên một địa bàn nhất định.

5. Đê là công trình ngăn nước lũ của sông hoặc ngăn nước biển, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phân loại, phân cấp theo quy định của pháp luật.

6. Đê điều là hệ thống công trình bao gồm đê, kè bảo vệ đê, công qua đê và công trình phụ trợ.

7. Đê sông là đê ngăn nước lũ của sông.

8. Đê biển là đê ngăn nước biển.

9. Đê cửa sông là đê chuyên tiếp giữa đê sông với đê biển hoặc bờ biển.

10. Đê bao là đê bảo vệ cho một khu vực riêng biệt.

11. Đê bồi là đê bảo vệ cho một khu vực nằm ở phía sông của đê sông.

12. Đê chuyên dùng là đê bảo vệ cho một loại đối tượng riêng biệt.

13. Kè bảo vệ đê là công trình xây dựng nhằm chống sạt lở để bảo vệ đê.

14. Kè bảo vệ bờ là công trình xây dựng nhằm chống sạt lở, bảo vệ bờ.

15. Công qua đê là công trình xây dựng qua đê dùng để cấp nước, thoát nước hoặc kết hợp giao thông thủy.

16. Công trình phụ trợ là công trình phục vụ việc quản lý, bảo vệ đê điều, kè bao gồm công trình tràn sự cố; cột mốc trên đê, cột chỉ giới, biển báo đê điều, cột thủy chí, giếng giảm áp, trạm và thiết bị quan trắc về thông số kỹ thuật phục vụ công tác quản lý đê; điểm canh đê, kho, bãi chứa vật tư dự trữ phòng, chống lũ, lụt, bão, trụ sở Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai; công trình phân lũ, làm chậm lũ; dải cây chắn sóng bảo vệ đê.

17. Chân đê đối với đê đất là vị trí giao nhau giữa mái đê hoặc mái cơ đê với mặt đất tự nhiên được xác định tại thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định mốc chỉ giới hành lang bảo vệ đê. Chân đê đối với đê có kết cấu bằng bê tông hoặc vật liệu khác là vị trí xây đúc ngoài cùng của móng công trình.

18. Hộ đê là hoạt động nhằm bảo đảm an toàn cho đê điều, bao gồm cả việc cứu hộ các công trình liên quan đến an toàn của đê điều.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức quản lý, khai thác đối với công trình thủy lợi

1. Việc tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi phải bảo đảm tính hệ thống của công trình, kết hợp quản lý theo lưu vực và vùng lãnh thổ. Bảo đảm an toàn của công trình với thiên tai, sự cố, hư hỏng và khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi trong việc tưới tiêu, cấp nước phục vụ các ngành sản xuất, dân sinh, kinh tế - xã hội và môi trường.

2. Mô hình tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi phải phù hợp với tính chất, đặc điểm hoạt động, yêu cầu kỹ thuật quản lý, vận hành và điều kiện cụ thể của từng vùng, từng địa phương. Bảo đảm mỗi hệ thống công trình, công trình thủy lợi phải do một tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, vận hành và bảo vệ.

3. Việc quản lý, vận hành các công trình đầu mối lớn, công trình quan trọng, hệ thống kênh trục chính và các kênh nhánh có quy mô lớn, kỹ thuật vận hành phức tạp phải do doanh nghiệp có năng lực và kinh nghiệm trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi thực hiện để bảo đảm vận hành công trình an toàn, hiệu quả; các công trình, hệ thống công trình thủy lợi không lớn, có đặc điểm, tính chất kỹ thuật đơn giản, quy mô nhỏ phân cấp cho tổ chức Hợp tác dùng nước quản lý, khai thác để tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả công trình.

4. Tổ chức, cá nhân được giao hoặc có tham gia quản lý, khai thác công trình, hệ thống công trình thủy lợi phải có đủ năng lực, kinh nghiệm phù hợp với quy mô, tính chất, yêu cầu kỹ thuật của từng công trình, hệ thống công trình được giao theo quy định tại Thông tư số 40/2011/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, khai thác công trình thủy lợi; chịu trách nhiệm trước cơ quan đặt hàng (hoặc cơ quan hợp đồng dịch vụ), cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn và pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trong phạm vi được giao.

Điều 4. Nội dung, yêu cầu của công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi

1. Công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi bao gồm ba nội dung chính sau:

a) Quản lý nước: Điều hoà phân phối nước, tiêu nước công bằng, hợp lý trong hệ thống công trình thủy lợi, đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp, đời sống dân sinh, môi trường và các ngành kinh tế quốc dân khác;

b) Quản lý công trình: Kiểm tra, theo dõi, phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố trong hệ thống công trình thủy lợi, đồng thời thực hiện tốt việc duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa nâng cấp công trình, máy móc, thiết bị; bảo vệ và vận hành công trình theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo công trình vận hành an toàn, hiệu quả và sử dụng lâu dài;

c) Tổ chức và quản lý kinh tế: Xây dựng mô hình tổ chức hợp lý để quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn, tài sản và mọi nguồn lực được giao nhằm thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi, kinh doanh tổng hợp theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu của công tác quản lý, vận hành công trình thủy lợi:

a) Quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng công trình tưới tiêu nước, cấp nước theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo an toàn công trình, phục vụ sản xuất, xã hội, dân sinh kịp thời và hiệu quả;

b) Thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích tưới tiêu, cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế khác trên cơ sở hợp đồng đặt hàng với cơ quan có thẩm quyền hoặc kế hoạch được giao;

c) Sử dụng vốn, tài sản và mọi nguồn lực được giao để hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi;

d) Tận dụng công trình, máy móc thiết bị, lao động, kỹ thuật, đất đai, cảnh quan và huy động vốn để thực hiện các hoạt động kinh doanh khác, với điều kiện không ảnh hưởng đến nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi được giao và tuân theo các quy định của pháp luật.

Điều 5. Phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi

1. Công trình, hệ thống công trình thủy lợi được phân cấp cho Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Đà Nẵng, Công ty Thoát nước và Xử lý nước thải Đà Nẵng quản lý, khai thác và bảo vệ.

Bao gồm các công trình thủy lợi đầu mối, các trục kênh chính, các công trình điều tiết nước có quy mô công trình vừa và lớn thuộc hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh, liên huyện, liên xã có yêu cầu kỹ thuật về quản lý, vận hành, điều tiết nước phức tạp đến vị trí công đầu kênh, cụ thể như sau:

a) Hồ chứa:

Hồ chứa có dung tích lớn hơn 500.000 m³ (năm trăm nghìn mét khối) hoặc hạ du hồ chứa có dân sinh tập trung.

b) Đập dâng:

Đập dâng có phạm vi phục vụ tưới liên tỉnh, liên huyện, liên xã (hoặc cấp hành chính tương đương) hoặc nằm trong hệ thống công trình thủy lợi đầu mối được giao quản lý.

c) Trạm bơm:

Các trạm bơm có phạm vi phục vụ liên huyện, liên xã (hoặc cấp hành chính tương đương) hoặc nằm trong hệ thống công trình đầu mối được giao quản lý.

d) Kênh mương và các công trình trên kênh:

Các tuyến kênh chính, kênh nhánh, các công trình trên kênh thuộc các hệ thống công trình thủy lợi được phân cấp cho Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Đà Nẵng quản lý, khai thác và bảo vệ tính từ công trình đầu mối đến vị trí “cổng đầu kênh”.

2. Công trình, hệ thống công trình thủy lợi được phân cấp cho quận, huyện quản lý, khai thác.

Bao gồm các công trình, hệ thống công trình thủy lợi có phạm vi phục vụ tưới tiêu trong một xã, có quy mô nhỏ, có đặc điểm, tính chất kỹ thuật đơn giản, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả công trình. Cụ thể như sau:

a) Hồ chứa:

Hồ chứa có dung tích chứa nhỏ hơn hoặc bằng 500.000 m³ (năm trăm nghìn mét khối) và hạ du hồ chứa này không có dân sinh tập trung.

b) Đập dâng:

Đập dâng có quy mô tưới trong phạm vi phục vụ một xã và lấy nước từ nguồn nước độc lập.

c) Trạm bơm:

Trạm bơm có phạm vi phục vụ trong phạm vi một xã hoặc cấp hành chính tương đương.

d) Kênh mương và các công trình trên kênh:

Các tuyến kênh, các công trình trên kênh thuộc các hệ thống công trình thủy lợi đã được phân cấp cho quận, huyện quản lý, khai thác và bảo vệ và các tuyến kênh tưới nội đồng thuộc hệ thống công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Đà Nẵng quản lý tính từ sau vị trí “cổng đầu kênh”.

3. Quy mô công đầu kênh.

Cổng đầu kênh được xác định theo diện tích tưới, tiêu hưởng lợi mà công đó phụ trách, có quy mô tưới với diện tích nhỏ hơn hoặc bằng 10 ha lúa.

Nếu kênh tưới, kênh tiêu và kênh tưới, tiêu kết hợp nào chưa có công đầu kênh thì ranh giới để phân cấp quản lý khai thác, bảo vệ tạm thời xác định khi chưa xây công là tại cửa dẫn, thoát nước của kênh tưới và kênh tưới, tiêu kết hợp có diện tích hưởng lợi nhỏ hơn hoặc bằng 10 ha.

4. Các tổ chức hợp tác dùng nước, hộ gia đình, cá nhân được các quận, huyện giao quản lý công trình, kênh mương có quy mô diện tích phục vụ lớn hơn quy mô công đầu kênh theo quy định tại Khoản 3 Điều này được cấp một phần kinh phí từ nguồn cấp bù thủy lợi phí của Nhà nước. Tỷ lệ và mức trích cụ thể theo thỏa thuận giữa công ty quản lý, khai thác công trình thủy lợi đầu mối với Tổ chức hợp tác dùng nước trên cơ sở khối lượng, nội dung công việc thực hiện và diện tích thực tế vượt mức quy định.

Điều 6. Quản lý duy tu, bảo dưỡng công trình thủy lợi

1. Nội dung duy tu, bảo dưỡng công trình thủy lợi:

Nội dung duy tu, bảo dưỡng công trình thủy lợi thực hiện theo hướng dẫn của các văn bản pháp luật, các Tiêu chuẩn quốc gia sau:

a) Quyết định số 2891/QĐ-BNN-TL ngày 12 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

b) TCVN 8414:2010 “Công trình thủy lợi - Quy trình quản lý vận hành, khai thác và kiểm tra hồ chứa nước” ban hành kèm theo Quyết định số 2097/QĐ-BKHHCN ngày 06 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia;

c) TCVN 8417:2010 “Công trình thủy lợi - Quy trình quản lý vận hành, duy tu, bảo dưỡng trạm bơm điện” ban hành kèm theo Quyết định số 2097/QĐ-BKHHCN ngày 06 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia;

d) TCVN 8418:2010 “Công trình thủy lợi - Quy trình quản lý vận hành, duy tu, bảo dưỡng cống” ban hành kèm theo Quyết định số 2097/QĐ-BKHHCN ngày 06 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia.

2. Phân cấp công tác quản lý, thực hiện duy tu, bảo dưỡng công trình thủy lợi:

a) Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo việc duy tu, bảo dưỡng thường xuyên công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý;

b) Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Đà Nẵng, Công ty Thoát nước và Xử lý nước thải Đà Nẵng, Tổ chức hợp tác dùng nước trực tiếp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi có trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng thường xuyên công trình thủy lợi;

3. Nguồn vốn đảm bảo duy tu, bảo dưỡng công trình thủy lợi:

a) Kinh phí duy tu, bảo dưỡng thường xuyên công trình thủy lợi được lấy từ nguồn thu thủy lợi phí, tiền nước và nguồn ngân sách dự phòng để cấp cho phần thủy lợi phí bị thất thu do thiên tai gây mất mùa theo quy định tại Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003;

b) Hàng năm, ngân sách trung ương, ngân sách địa phương bố trí một khoản ngân sách để hỗ trợ cho các doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi trong trường hợp thu thủy lợi phí không đủ bù đắp chi phí sửa chữa, vận hành của các công trình thủy lợi.

Chương III

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, BẢO VỆ CÔNG TRÌNH ĐÊ, KÈ

Điều 7. Quy định phân loại, phân cấp công trình đê, kè

1. Đê được phân loại thành: đê sông, đê biển, đê cửa sông, đê bồi, đê bao và đê chuyên dùng. Việc phân loại, phân cấp đê, kè trên địa bàn thành phố căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BNN ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn phân cấp đê và quy định tải trọng cho phép đối với xe cơ giới đi trên đê và Quyết định số 67/QĐ-BNN-TCTL ngày 10 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phân loại, phân cấp đê trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Kè bảo vệ bờ sông, bờ biển không gắn với đê được xây dựng trên địa bàn thành phố được xếp vào loại cấp V (những tuyến kè có cấp lớn hơn thì sẽ có văn bản quy định cấp cụ thể).

3. Việc phân loại, phân cấp các tuyến đê, kè trên địa bàn thành phố để làm cơ sở cho việc quản lý, bảo vệ, tu bổ, nâng cấp và hộ đê phòng chống lụt, bão.

Điều 8. Phân cấp quản lý, bảo vệ công trình đê, kè

Lực lượng quản lý, bảo vệ đê, kè gồm có lực lượng chuyên trách quản lý đê và lực lượng quản lý đê nhân dân.

1. Lực lượng chuyên trách quản lý, bảo vệ đê, kè:

a) Giao Chi cục Thủy lợi thành phố Đà Nẵng quản lý các công trình đê, kè trên địa bàn thành phố (lực lượng chuyên trách quản lý đê, kè);

b) Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của lực lượng chuyên trách quản lý đê, kè theo quy định của Luật Đê điều.

2. Lực lượng quản lý đê, kè nhân dân:

a) Nhà nước khuyến khích các địa phương có đê, kè trên địa bàn tổ chức các lực lượng nhân dân tham gia quản lý đê, kè không thuộc biên chế Nhà nước, nhằm tăng cường quản lý bảo vệ đê, kè tại địa phương. Nhiệm vụ, quyền hạn và thù lao của lực lượng quản lý đê nhân dân được quy định tại Điều 41 của Luật Đê điều và Thông tư số 26/2009/TT-BNN ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, nguồn kinh phí và chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý đê nhân dân;

b) Các quận, huyện có đê, kè trên địa bàn sử dụng lực lượng quản lý đê nhân dân (nếu thành lập) hoặc các lực lượng địa phương phối hợp, tham gia bảo vệ đê, kè nhằm tăng cường công tác quản lý, bảo vệ đê, kè tại địa phương.

Điều 9. Quản lý duy tu, bảo dưỡng công trình đê, kè

1. Nội dung chi duy tu, bảo dưỡng đê, kè (Trên cơ sở Điều 4, 5 Thông tư liên tịch số 48/2009/TTLT-BTC-BNN ngày 12 tháng 3 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính):

a) Chi sửa chữa, cải tạo, gia cố mặt đê, kè;

b) Chi sửa chữa gia cố đường gom, đường hành lang chân đê điều dốc lên xuống đê điều trong phạm vi bảo vệ đê, kè;

c) Chi sửa chữa và trồng cỏ mái đê, cơ đê, chân đê, mái kè;

d) Đắp đất, trồng cây chắn sóng;

đ) Chi khảo sát, phát hiện và xử lý mối và các ản hoạ trong thân đê, kè; khoan phụt vữa gia cố chất lượng thân đê;

e) Chi kiểm tra đánh giá chất lượng công dưới đê; xử lý các hư hỏng nhỏ; nạo vét thượng, hạ lưu của công dưới đê;

g) Chi kiểm tra hiện trạng đê, kè; chi tu sửa các hư hỏng nhỏ của đê, kè;

h) Bổ sung, sửa chữa các công trình phục vụ việc quản lý, bảo vệ đê, kè: Cột mốc trên đê, kè; cột chỉ giới, cột thủy chí; biển báo đê, kè; trạm và thiết bị quan trắc; kho, bãi chứa vật tư dự phòng bão lũ; Công trình phân lũ, làm chậm lũ; công trình tràn sự cố; giếng giảm áp; điểm canh đê, kè;

i) Bổ sung, bảo dưỡng, thu gom vật tư dự trữ phòng, chống lụt bão thuộc nhiệm vụ của Trung ương;

k) Chi khảo sát địa hình, địa chất, khảo sát mặt cắt cố định ngang sông định kỳ, đo đạc sơ hoạ diễn biến lòng dẫn; đo đạc diễn biến bãi biển trước đê; bổ sung cơ sở dữ liệu về đê điều phục vụ công tác quản lý đê điều và phòng, chống lụt bão;

m) Các công việc khác có liên quan trực tiếp tới công tác đầu tư tu bổ, nâng cấp đê điều (nếu có).

2. Nguồn vốn bảo đảm duy tu, bảo dưỡng đê, kè:

a) Nguồn vốn ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí duy tu, bảo dưỡng đê, kè đối với các tuyến đê, kè từ cấp III đến cấp đặc biệt; hỗ trợ sửa chữa cấp bách sự cố đê, kè đối với đê cấp IV và cấp V;

b) Nguồn vốn ngân sách địa phương: đảm bảo kinh phí duy tu, bảo dưỡng đối với đê, kè dưới cấp III và tham gia bảo đảm duy tu, bảo dưỡng đê điều từ cấp III đến cấp đặc biệt.

Riêng đối với kinh phí xử lý cấp bách sự cố, sửa chữa lớn đê, kè trường hợp phát hiện sự cố đê, kè đe dọa đến sự an toàn của đê dưới cấp III, UBND thành phố chỉ đạo các cơ quan chức năng tiến hành xử lý kịp thời để đảm bảo an toàn của hệ thống đê điều do thành phố quản lý từ nguồn ngân sách địa phương;

c) Đối với đê, kè chuyên dùng của các ngành, các cơ sở; kinh phí đầu tư tu bổ, nâng cấp đê, kè do các chủ công trình bảo đảm.

Đê, kè sử dụng tổng hợp nhưng trong đó có tổ chức, cá nhân sử dụng khai thác nhằm mục đích kinh doanh thì tổ chức, cá nhân đó phải có trách nhiệm đầu tư kinh phí đầu tư tu bổ, nâng cấp đê, kè theo tỷ lệ hiệu quả kinh doanh của các tổ chức, cá nhân được tuyển đê, kè bảo vệ.

3. Phân cấp công tác quản lý, thực hiện duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp đê, kè và sửa chữa đột xuất khắc phục sự cố, sửa chữa lớn đối với đê, kè.

Hằng năm, Chi cục Thủy lợi thành phố Đà Nẵng căn cứ định mức dự toán công tác duy tu bảo dưỡng đê, kè và tiền lương nhân công để xây dựng dự toán kinh phí thực hiện công tác quản lý, duy tu, bảo dưỡng đê, kè trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

Trường hợp phải sửa chữa đột xuất khắc phục sự cố cấp bách, sửa chữa lớn đối với đê, kè cấp IV và cấp V mà nguồn kinh phí vượt quá kinh phí duy tu, bảo dưỡng đê, kè được giao hàng năm thì Chi cục Thủy lợi thành phố Đà Nẵng lập dự toán trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định trình UBND thành phố quyết định. Nếu ngân sách địa phương có khó khăn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Sở Tài chính báo cáo UBND thành phố báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương theo hình thức trợ cấp có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

Điều 10. Cấm mốc km, biển báo các loại và mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình đê, kè

1. Đơn vị được giao quản lý và bảo vệ có trách nhiệm tổ chức cấm mốc km, biển báo các loại và mốc chỉ giới hành lang bảo vệ đê, kè, công trên thực địa cho tất cả các tuyến đê, kè được giao quản lý trực tiếp theo phân cấp quản lý tại Quyết định này.

2. Đối với các Dự án được đầu tư xây dựng mới, tu bổ, nâng cấp đê, kè thì các Chủ đầu tư, các Ban Quản lý Dự án có trách nhiệm sử dụng nguồn vốn đầu tư dự án thực hiện cấm mốc km, biển báo các loại và mốc chỉ giới hành lang bảo vệ đê, kè, công trên thực địa trước khi bàn giao cho đơn vị quản lý, sử dụng.

Điều 11. Việc quy hoạch khu dân cư, khu đô thị, khu du lịch, dịch vụ và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật khác dọc theo hành lang các tuyến đê, kè cấp IV, cấp V trên địa bàn phải được Ủy ban nhân dân thành phố cấp phép.

Điều 12. Trách nhiệm bảo vệ công trình đê, kè

1. Tổ chức, cá nhân khi phát hiện hành vi hoặc các tác động tự nhiên gây tổn hại hoặc đe dọa đến an toàn của đê, kè thì phải báo ngay cho Ủy ban nhân dân nơi gần nhất hoặc cơ quan nhà nước quản lý đê, kè trên địa bàn để kịp thời ngăn chặn và có biện pháp xử lý.

2. Khi có báo động lũ từ cấp I trở lên đối với tuyến sông có đê, kè hoặc khi có báo động lũ từ cấp II trở lên đối với tuyến sông khác, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đê phải huy động lực lượng lao động tại địa phương, phối hợp với lực lượng trực tiếp quản lý đê (lực lượng chuyên trách quản lý đê, kè) để tuần tra, canh gác, phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố đê, kè.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công trình thủy lợi và đê, kè trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật. Căn cứ Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan hướng dẫn các đơn vị được phân cấp quản lý, UBND các quận, huyện và các đơn vị có liên quan lập hồ sơ các công trình thủy lợi và đê, kè để bàn giao nguyên trạng cho đơn vị được phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ;

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành và các địa phương liên quan trong việc lập và thực hiện kế hoạch, quy hoạch đầu tư sửa chữa, tu bổ, nâng cấp, xây dựng công trình thủy lợi và đê, kè hằng năm theo quy định;

c) Chủ trì thẩm định, trình UBND thành phố cấp giấy phép cho các hoạt động liên quan đến công trình đê, kè quy định tại Điều 25 Luật Đê điều;

d) Chỉ đạo, hướng dẫn Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Đà Nẵng phối hợp với UBND các quận, huyện và các đơn vị liên quan xác định rõ vị trí “cổng đầu kênh” thuộc hệ thống công trình do Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Đà Nẵng quản lý để trình phê duyệt;

đ) Hướng dẫn các địa phương tiến hành thành lập, củng cố, kiện toàn nâng cao năng lực các tổ chức hợp tác dùng nước, tổ chức thủy nông ở địa phương để quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Phối hợp với UBND các cấp lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và cấp giấy chứng nhận cho cán bộ tham gia quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo đúng quy định;

e) Hằng năm tiến hành thanh tra, kiểm tra công tác quản lý, khai thác và bảo vệ, đảm bảo an toàn công trình thủy lợi và đê, kè trên địa bàn thành phố theo các quy định hiện hành, báo cáo kết quả về UBND thành phố;

g) Định kỳ hàng năm rà soát cấp đê, kè theo tiêu chí quy định tại Khoản 3, Điều 4 của Luật Đê điều phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, báo cáo UBND thành phố trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét nâng cấp đê cho những tuyến cần thiết;

h) Thực hiện thẩm định dự toán kinh phí cấp bù thủy lợi phí, kinh phí duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa sự cố cấp bách, sửa chữa lớn các công trình thủy lợi, đê, kè và tổng hợp gửi Sở Tài chính trình UBND thành phố quyết định;

i) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND thành phố ban hành cơ chế, chính sách đối với lực lượng quản lý, bảo vệ đê, kè;

k) Tham mưu cho UBND thành phố ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, khai thác và bảo vệ hệ thống thủy lợi và đê, kè;

l) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan lập danh mục và rà soát hàng năm danh mục công trình thủy lợi và đê, kè thuộc diện phân cấp quản lý, khai thác trình UBND thành phố chỉ đạo thực hiện.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan hướng dẫn các địa phương, đơn vị đánh giá đúng giá trị tài sản từng công trình tại thời điểm bàn giao;

b) Hướng dẫn cụ thể công tác bàn giao tài sản, vốn theo đúng quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn khác theo quy định của nhà nước;

c) Trên cơ sở dự toán do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tổng hợp kinh phí cấp bù thủy lợi phí, kinh phí sửa chữa các công trình khi gặp thiên tai, sự cố và kinh phí quản lý, đầu tư tu bổ, nâng cấp đê, kè báo cáo UBND thành phố trình HĐND thành phố xem xét, phê duyệt.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và các sở, ban, ngành liên quan tham mưu cho UBND thành phố bố trí kinh phí hằng năm để đầu tư sửa chữa, tu bổ, nâng cấp và xây dựng các công trình thủy lợi và đê, kè trên địa bàn thành phố.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Đà Nẵng, Công ty Thoát nước và Xử lý nước thải Đà Nẵng, UBND các quận, huyện, Chi cục Thủy lợi thành phố Đà Nẵng kiểm tra, rà soát, lập hồ sơ đề nghị UBND thành phố thu hồi diện tích chiếm đất của các công trình thủy lợi và đê, kè để bàn giao lại cho đơn vị quản lý, khai thác và bảo vệ mới theo quy định của Luật Đất đai; lập hồ sơ xin khai thác, sử dụng nước mặt theo quy định của Luật Tài nguyên nước;

b) Lập quy hoạch sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ công trình thủy lợi và đê, kè bảo vệ bờ sông, biển, cống qua đê, bãi sông theo quy định của Luật Đê điều và Luật Đất đai;

c) Chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc khai thác cát, đá, sỏi trong các sông, tham mưu cho UBND thành phố ngăn chặn việc khai thác tài nguyên khoáng sản trái phép gây mất an toàn công trình đê, kè.

5. Sở Xây dựng:

Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan lập và quản lý quy hoạch xây dựng công trình ở bãi sông ngoài phạm vi bảo vệ đê, kè và đảm bảo hành lang thoát lũ của các sông trên địa bàn thành phố.

6. Sở Giao thông vận tải:

a) Quy hoạch luồng lạch giao thông thủy, quy hoạch và xây dựng các cầu qua sông bảo đảm khả năng thoát lũ của sông;

b) Chuẩn bị sẵn sàng phương tiện, vật tư dự phòng, bảo đảm an toàn giao thông phục vụ công tác hộ đê trong tình huống khẩn cấp và trong mùa mưa bão.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban, ngành liên quan và các địa phương hướng dẫn, chỉ đạo các doanh nghiệp, các đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, khai thác công trình thủy lợi và đê, kè trong việc quản lý, sử dụng lao động theo đúng các quy định hiện hành.

8. Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố:

Có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo và hiệp đồng với các lực lượng địa phương triển khai lực lượng bảo vệ công trình thủy lợi và đê, kè.

9. Công an thành phố:

Có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn lực lượng công an kiểm tra, ngăn chặn và xử lý các vi phạm pháp luật về công trình thủy lợi và đê, kè.

10. Ủy ban nhân dân các quận, huyện:

a) Chỉ đạo UBND các xã, phường phối hợp với các cơ quan hữu quan trong việc quản lý, bảo vệ và sử dụng đê, kè và hộ đê;

b) Tổng hợp, quản lý thông tin, dữ liệu về thủy lợi và đê, kè trong phạm vi địa phương;

c) Quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc huy động lực lượng, vật tư, phương tiện để hộ đê, khắc phục hậu quả do lũ, lụt, bão gây ra đối với công trình thủy lợi và đê, kè;

d) Chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đê điều, thủy lợi trong phạm vi địa phương;

đ) Chỉ đạo, thực hiện việc bàn giao, nhận các công trình thủy lợi và đê, kè được UBND thành phố phân cấp theo đúng Quy định này;

e) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực thủy lợi và đê, kè trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo các địa phương củng cố, kiên toàn, sắp xếp và đổi mới quy mô hoạt động của các tổ chức thủy nông trên địa bàn đảm bảo điều kiện, năng lực quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn khác. Đánh giá, xác định giá trị tài sản đối với các công trình thủy lợi thuộc diện bàn giao theo hướng dẫn của Sở Tài chính và các quy định hiện hành để thực hiện phân cấp theo đúng quy định;

g) Xây dựng dự toán kinh phí cấp bù thủy lợi phí và kinh phí sửa chữa các công trình khi gặp thiên tai, sự cố gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, tổng hợp gửi Sở Tài chính;

h) Chỉ đạo, thực hiện các qui định hiện hành về quản lý, khai thác, đảm bảo an toàn công trình thủy lợi được phân cấp quản lý.

11. Ủy ban nhân dân các xã, phường:

a) Thực hiện việc bảo vệ công trình thủy lợi, đê, kè và hộ đê trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Trực tiếp quản lý hoạt động lực lượng quản lý đê nhân dân (nếu thành lập); phối hợp với lực lượng chuyên trách quản lý đê, kè để tuần tra, bảo vệ đê, kè trong mùa mưa, bão trên các tuyến đê, kè thuộc địa bàn;

c) Ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về thủy lợi và đê, kè;

d) Xử lý hành vi vi phạm pháp luật về thủy lợi và đê, kè theo thẩm quyền, trường hợp vượt quá thẩm quyền phải báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

12. Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Đà Nẵng:

a) Phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan thực hiện việc bàn giao, nhận các công trình thủy lợi được UBND thành phố phân cấp quản lý, khai thác theo đúng Quy định này;

b) Phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan xác định vị trí “công đầu kênh” thuộc diện bàn giao theo quy định trên; lập hồ sơ danh mục kênh mương trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình UBND thành phố phê duyệt để tổ chức thực hiện;

c) Xác định giá trị tài sản các công trình thủy lợi hiện do Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Đà Nẵng quản lý và thuộc diện bàn giao theo hướng dẫn của Sở Tài chính và các quy định hiện hành để thực hiện quản lý theo đúng quy định;

d) Báo cáo định kỳ hằng năm hoặc đột xuất khi có sự thay đổi về hiện trạng công trình, thực trạng quản lý, khai thác công trình thủy lợi đối với cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

đ) Thực hiện các quy định hiện hành về quản lý, khai thác, đảm bảo an toàn công trình thủy lợi được phân cấp quản lý;

e) Quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc huy động lực lượng, vật tư, phương tiện để khắc phục hậu quả do lũ, lụt, bão gây ra đối với công trình thủy lợi;

g) Thỏa thuận về mức trích thủy lợi phí từ nguồn cấp bù của Nhà nước với Tổ chức hợp tác dùng nước, hộ gia đình, cá nhân quản lý công trình, kênh mương có quy mô diện tích phục vụ lớn hơn quy mô diện tích cống đầu kênh theo quy định tại Quy định này. Mức trích cụ thể trên cơ sở khối lượng, nội dung công việc thực hiện, diện tích thực tế vượt định mức quy định và theo đúng các quy định hiện hành;

h) Xây dựng dự toán kinh phí cấp bù thủy lợi phí và kinh phí duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa sự cố cấp bách các công trình do mình quản lý gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, tổng hợp gửi Sở Tài chính.

13. Công ty Thoát nước và Xử lý nước thải Đà Nẵng:

a) Phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan thực hiện việc bàn giao, nhận công trình hồ chứa nước Bà Tràm được UBND thành phố phân cấp quản lý, khai thác theo đúng Quy định này;

b) Xác định giá trị tài sản hồ chứa nước Bà Tràm được bàn giao theo hướng dẫn của Sở Tài chính và các quy định hiện hành để thực hiện quản lý theo đúng quy định;

c) Báo cáo định kỳ hằng năm hoặc đột xuất khi có sự thay đổi về hiện trạng công trình, thực trạng quản lý, khai thác công trình thủy lợi được phân cấp quản lý, khai thác đối với cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

d) Thực hiện các qui định hiện hành về quản lý, khai thác, đảm bảo an toàn công trình hồ chứa được phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ;

e) Quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc huy động lực lượng, vật tư, phương tiện để khắc phục hậu quả do lũ, lụt, bão gây ra đối với công trình thủy lợi được phân cấp quản lý, khai thác.

14. Chi cục Thủy lợi thành phố Đà Nẵng:

a) Phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan thực hiện việc bàn giao, nhận các công trình đê, kè được UBND thành phố phân cấp cho Chi cục Thủy lợi thành phố Đà Nẵng theo đúng Quy định này;

b) Xác định giá trị tài sản các công trình đê, kè thuộc diện bàn giao theo hướng dẫn của Sở Tài chính và các quy định hiện hành để thực hiện quản lý theo đúng quy định;

c) Quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc huy động lực lượng, vật tư, phương tiện để hộ đê, khắc phục hậu quả do lũ, lụt, bão gây ra đối với công trình đê, kè;

d) Báo cáo định kỳ hằng năm hoặc đột xuất khi có sự thay đổi về hiện trạng công trình, thực trạng quản lý, khai thác công trình đê, kè cho cơ quan cấp trên liên quan;

e) Hàng năm lập kế hoạch, xây dựng dự toán duy tu, bảo dưỡng các công trình đê, kè do mình quản lý theo định mức dự toán công tác duy tu, bảo dưỡng đê điều và tiền lương nhân công trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, tổng hợp gửi Sở Tài chính báo cáo UBND thành phố bố trí vốn để thực hiện;

g) Thực hiện các chức năng quản lý nhà nước theo các qui định hiện hành về quản lý, khai thác, đảm bảo an toàn công trình thủy lợi và đê, kè.

15. Các tổ chức, cá nhân khác:

Các Tổ chức hợp tác dùng nước, hộ gia đình, cá nhân được giao quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và đê, kè có trách nhiệm quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi được giao đúng quy định của pháp luật.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này nếu có những vấn đề không phù hợp cần sửa đổi, bổ sung, các ngành, địa phương, đơn vị có ý kiến đề xuất, kiến nghị về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Huỳnh Đức Thơ